TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/**2022 DS/ST
Ngày: 20/10/2022
Việc kiện: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh
2. Bà Trần Thị Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuân - cán bộ Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: bà Nguyễn ThỊ Hoa - kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS, ngày 10/3/2022; về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX ngày 12/9/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-DS ngày 27/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Trương Thanh N -** sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: vợ chồng ông **Lê Nguyễn Đăng K -** sinh năm 1976, bà **Trương Thị Cảm -** sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn K -** sinh năm 1969

Đăng ký NKTT tại: thôn Bình Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện nay: số 88 Nguyễn Văn Siêu, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

(Có mặt ông Nguyễn Văn K; vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, **người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:**

Vào ngày 08/10/2019 vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm vay của ông Trương Thanh N số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất vay và thời hạn vay do hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay là để đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Hai bên có ký kết hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Công Thược công chứng ngày 08/10/2019.

Đến ngày 03/3/2021 ông Nguyễn Đăng K tiếp tục vay của ông N số tiền 632.000.000 đồng. Cộng với khoản nợ trước tổng số nợ là 832.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay thêm tiền ngày 03/3/2021, trong lần vay này chỉ có một mình ông K tham gia và ký giấy vay thêm tiền.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông K, bà Cảm chưa trả gốc và lãi cho ông N.

Nay ông đại diện cho nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng ông K, bà Cảm phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông N toàn bộ số nợ theo đơn khởi kiện là 832.000.000 đồng, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Trong giai đoạn thu thập chứng cứ ông Lê Nguyễn Đăng K trình bày:

Vào năm 2019 vợ chồng ông có vay của ông Trương Thanh N số tiền 200.000.000 đồng, theo hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Công Thược công chứng ngày 08/10/2019. Toàn bộ số tiền này vợ chồng ông đã vay Ngân hàng và đã trả tiền mặt cho ông N. Đã thanh toán dứt điểm, nhưng do tin tưởng nhau, nên ông không lập giấy tờ trả tiền cho ông N, cũng không có ai làm chứng và cũng không hủy bỏ hợp đồng vay tiền đã lập. Nay, ông xác định không còn nợ số nợ nói trên của ông N.

Cũng trong thời gian này, ông Trương Thanh N là người tổ chức chơi cờ bạc, ông đã vay mượn tiền của ông N để chơi cờ bạc nhiều lần, tổng số tiền vay mượn là 300.000.000 đồng, ông N tính lãi 30% tháng. Đến ngày 03/3/2021 ông N làm sẵn giấy vay tiền thêm, với tổng số tiền cả gốc và lãi là 832.000.000 đồng và ép ông phải ký giấy vay, chữ ký trong giấy vay tiền thêm lập ngày 03/3/2021 đúng là chữ ký của ông. Số nợ này là do một mình ông vay mượn của ông N, không liên quan gì đến trách nhiệm của vợ ông.

Tại tòa hôm nay, ông xác nhận ông còn nợ của ông N 632.000.000 đồng, ông chấp nhận trả toàn bộ số nợ này của ông N, hiện nay do điều kiện tài chính gia đình ông rất khó khăn, nên ông chỉ có khả năng trả nợ cho ông N hàng tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; và các Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trương Thanh N, về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

- Buộc vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm có trách nhiệm trả 832.000.000 đồng cho ông Trương Thanh N.

- Về án phí: vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Thanh N toàn bộ số nợ vay gốc là 832.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, lời thừa nhận và nơi cư trú của bị đơn, chứng tỏ rằng đây là vụ kiện*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện tại tòa án, thì ông Trương Thanh N khởi kiện đối với vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Nguyễn Đăng K cho rằng số nợ này là do ông vay mượn, không liên quan đến vợ ông là bà Cảm, mặc dù bà Cảm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thông qua chồng bà Cảm là ông Lê Nguyễn Đăng K, nhưng bà Cảm vẫn không đến tòa làm việc. Tại tòa hôm nay vợ chồng bị đơn ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Cảm đều vắng mặt không lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ chứng minh:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn ông Trương Thanh N đã cung cấp chứng cứ là Hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 08/10/2019 và Giấy vay thêm tiền lập ngày 03/3/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Nguyễn Đăng K thừa nhận vợ chồng ông có vay 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 08/10/2019, số tiền này vợ chồng ông đã vay Ngân hàng và đã trả tiền mặt cho ông N. Vấn đề này không được phía nguyên đơn thừa nhận và ông Lê Nguyễn Đăng K cũng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho việc đã trả hết khoản tiền nợ này cho ông N.

Đối với giấy vay thêm tiền lập ngày 03/3/2021, tại giấy vay tiền thêm thể hiện nội dung: Vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K có vay của ông Trương Thanh N số tiền 200.000.000 đồng, nay ông Lê Nguyễn Đăng K có nhu cầu muốn tiếp tục vay thêm của ông N số tiền 632.000.000 đồng. Tổng cộng 2 khoản là 832.000.000

đồng. Ông Lê Nguyễn Đăng K cam kết trong vòng 05 tháng tính từ ngày vay tiền, ông Lê Nguyễn Đăng K sẽ hoàn trả số tiền 832.000.000 đồng cho ông N.

Trong quá trình thu thập chứng cứ phía bị đơn ông Lê Nguyễn Đăng K thừa nhận chỉ còn nợ của ông Trương Thanh N số tiền 632.000.000 đồng, chữ ký trong giấy vay tiền thêm là do ông ký.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù trong giấy vay thêm tiền lập ngày 03/3/2021, chỉ có một mình ông Lê Nguyễn Đăng K ký (không có bà Cảm ký), với tổng số nợ là 832.000.000 đồng, trong đó có số nợ 200.000.000 đồng mà theo giấy vay thêm tiền lập ngày 03/3/2021 thể hiện, ông K xác nhận là vợ chồng ông vay mượn từ Hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 08/10/2019 chuyển qua *"Số nợ này vợ chồng tôi chưa trả cho ông N"* và ông Lê Nguyễn Đăng K tiếp tục vay thêm của ông N số tiền 632.000.000 đồng. Tổng cộng 2 khoản là 832.000.000 đồng, nên có cơ sở khẳng định: vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm chưa trả số nợ vay 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 08/10/2019 cho ông N, mà còn nợ của ông Trương Thanh N với số nợ gốc là 832.000.000 đồng theo giấy vay thêm tiền lập ngày 03/3/2021, số nợ này là nợ của vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Cảm chưa trả cho ông N, nên ông Trương Thanh N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông toàn bộ số nợ gốc là 832.000.000 đồng có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

Đối với ý kiến của ông Lê Nguyễn Đăng K trong giai đoạn thu thập chứng cứ, cho rằng hiện nay do điều kiện tài chính gia đình ông rất khó khăn, nên ông chỉ có khả năng trả nợ cho ông N hàng tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Vấn đề này phía nguyên đơn không chấp nhận, nên ở giai đoạn thi hành án ông Lê Nguyễn Đăng K sẽ được xem xét điều kiện khả năng thi hành án cho phù hợp.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích nêu trên, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ùy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Trương Thị Cảm phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Thanh N toàn bộ số nợ là **832.000.000đồng (Tám trăm ba mươi hai triệu đồng).**

3. Về án phí: vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Cảm phải nộp 36.960.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông N 18.480.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003357 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông Lê Nguyễn Đăng K, bà Cảm phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, báo cho đại diện của nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/10/2022). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch